

Q, ngày 08 tháng 02 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ các Điều 29, Điều 35, Điều 149, Điều 397; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 13/2022/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Người yêu cầu: Ông **Kiều Văn D**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện Q, TP Hà Nội;

Người yêu cầu: Bà **Lê Thị V**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện Q, TP Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Kiều Văn D và bà Lê Thị V kết hôn hợp pháp và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Q, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) ngày 23/10/1998. Do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên hai bên đã thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Hai bên thực sự tự nguyện ly hôn;

[2] Về con chung: Vợ chồng 03 con chung là cháu Kiều Thị K, sinh năm 1999; Cháu Kiều Văn T, sinh năm 2001; Cháu Kiều Thị H, sinh năm 2002 đều đã trưởng thành nên các cháu muốn ở với ai là tùy theo nguyện vọng của các cháu.

[3] Về tài sản chung, công sức: Hai bên tự giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về lệ phí: Ông Kiều Văn D tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí sơ thẩm

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Kiều Văn D** và bà **Lê Thị V** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng 03 con chung là cháu Kiều Thị K, sinh năm 1999; Cháu Kiều Văn T, sinh năm 2001; Cháu Kiều Thị H, sinh năm 2002 đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung, công sức: Hai bên tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Kiều Văn D tự nguyện nộp lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*); Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000175 ngày 18/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND xã L;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Thanh